

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh ngày 23/6/1997; số căn cước: 030197xxx; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã S, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Thôn D2, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn D2, xã T2, thành phố Hải Phòng). (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/8/1995; số căn cước: 030095xxx; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã S, thành phố Hải Phòng). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Đoàn Thị H) trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T được tự do tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã S, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sau khi chị có thai được ba tháng vào cuối năm 2018 thì chị phát hiện anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị đã cho anh T cơ hội để thay

đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi; tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, từ cuối năm 2018 anh T không quan tâm đến chị. Đến tháng 5 năm 2021, vợ chồng cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị ở thôn D2 sống nhưng anh T vẫn không quan tâm đến chị; vợ chồng ly thân nhau, mỗi người sống một nơi từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 05/4/2019; hiện cháu đang ở cùng với chị. Chị xác định chị đang làm lao động tự do tại nhiều Công ty khác nhau có mức thu nhập bình quân khoảng 10 triệu/tháng. Chị và con chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ của chị, có phòng riêng, mẹ con chị có chỗ ăn ở ổn định nhiều năm nay. Ngoài ra, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con, tại đó có các Trường học các cấp đều đạt chuẩn quốc gia nên chị có đủ điều kiện để nuôi con mà không cần anh T cấp dưỡng cho con. Con chị đang ở ổn định tại gia đình chị từ năm 2021 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con để ổn định môi trường cho con chị được phát triển tốt nhất và chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn (anh Nguyễn Ngọc T) trình bày: Anh xác định anh và chị Đoàn Thị H được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn tại UBND xã như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hoà hợp, dẫn đến hay cãi nhau, anh bị tai nạn thì chị H bỏ đi và có mối quan hệ ngoài luồng với người khác. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 05/4/2019; hiện cháu đang ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H, cho chị H ly hôn anh Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Giao con là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 05/4/2019 cho chị Đoàn Thị H chăm sóc nuôi

dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con của chị H. Về tài sản chung, nợ chung: Không. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Đoàn Thị H khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Ngọc T, trú tại thôn P, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã S, thành phố Hải Phòng), Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã S, thành phố Hải Phòng) vào ngày 04/7/2018 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H xác định tình cảm vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, từ cuối năm 2018 anh T không quan tâm đến chị. Đến tháng 5 năm 2021, vợ chồng cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị sống, vợ chồng ly thân nhau, mỗi người sống một nơi từ đó đến nay. Anh T cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do anh làm mất mát kinh tế gia đình, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh T. Anh T xác định vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hoà hợp, dẫn đến hay cãi nhau, anh bị tai nạn thì chị H bỏ đi và có mối quan hệ ngoài luồng với người khác. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn. Như vậy, cả hai anh chị đều xác định vợ chồng có quan hệ ngoài luồng và đều đề nghị giải quyết vắng mặt, không coi trọng việc hoà giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc mà vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng,

chăm sóc, giúp đỡ nhau; không có tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một con là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 05/4/2019; hiện nay con đang sống cùng với chị H. Chị H xác định chị có mức thu nhập ổn định 10 triệu đồng/tháng, con chị đang ở ổn định tại gia đình chị từ năm 2021 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con để ổn định môi trường cho con chị được phát triển tốt nhất và chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhất trí để chị H tiếp tục nuôi con. HĐXX xét thấy chị H có thu nhập cũng như điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đang ở ổn định với chị H từ khi nhỏ đến nay cháu vẫn phát triển bình thường, anh T cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi con nên cần giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi và cần chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị H là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị H ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 05/4/2019 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002324 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng); chị Đoàn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã S, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi